

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 12/2018, NGÀY THI 08/9/2018

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-TTCNTT-TT ngày 11 tháng 9 năm 2018
của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông*

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/THẺ CCCD
					LT	TH			
1	cb18k12_001	Hoàng Thị Vân Anh	28/05/1981	Quảng Bình	8,8	9,5	Đậu		194156927
2	cb18k12_002	Hồ Thị Nhật Anh	02/01/1993	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu		194470891
3	cb18k12_003	Phạm Thị Lan Anh	03/04/1993	Quảng Bình	8,8	10	Đậu		194471969
4	cb18k12_004	Nguyễn Thị Thanh Ba	01/01/1980	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194074971
5	cb18k12_005	Phạm Ngọc Biên	26/01/1983	Nam Định	7,9	8,0	Đậu		036083003507
6	cb18k12_006	Hà Thị Thanh Bình	08/09/1995	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194519212
7	cb18k12_008	Phạm Ngọc Cảnh	10/01/1983	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu		194204811
8	cb18k12_009	Phạm Văn Công	20/01/1989	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu		194418957
9	cb18k12_010	Phạm Thị Châu	06/01/1966	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		191064607
10	cb18k12_011	Võ Minh Chiến	02/10/1972	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu		191288864
11	cb18k12_012	Nguyễn Văn Chuyên	29/07/1973	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194129568
12	cb18k12_013	Nguyễn Văn Chương	02/10/1968	Quảng Bình	10	10	Đậu		191070204
13	cb18k12_014	Trần Thị Diễm	20/06/1991	Quảng Bình	7,9	8,5	Đậu		AL307049
14	cb18k12_015	Nguyễn Tiến Dũng	04/03/1975	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194043004
15	cb18k12_016	Nguyễn Tiến Dũng	22/12/1978	Hà Tĩnh	7,1	8,0	Đậu		042073000208
16	cb18k12_017	Nguyễn Việt Dũng	18/01/1996	Quảng Bình	10	9,0	Đậu		194543034
17	cb18k12_018	Phan Chí Dũng	15/01/1984	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		044084000347
18	cb18k12_019	Đinh Thị Thùy Dương	20/11/1979	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu		044179000191
19	cb18k12_020	Phan Thúc Định	19/02/1977	Quảng Bình	7,1	8,0	Đậu		194030139
20	cb18k12_021	Đỗ Thị Ngọc Hà	06/04/1980	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194056309
21	cb18k12_022	Ngô Thanh Hải	05/02/1985	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		194198161
22	cb18k12_023	Nguyễn Văn Hải	17/08/1987	Quảng Bình	8,8	8,5	Đậu		044087002543
23	cb18k12_024	Trần Thanh Hải	03/06/1978	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu		194050249
24	cb18k12_025	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	05/09/1980	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194131373
25	cb18k12_026	Hoàng Thị Hiền	20/03/1968	Quảng Bình	7,1	8,5	Đậu		190918056

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/THẺ CCCD
						LT	TH			
26	cb18k12_027	Nguyễn Thị	Hiền	10/10/1978	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194084374
27	cb18k12_028	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/03/1978	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194077660
28	cb18k12_029	Nguyễn Thu	Hiền	11/07/1993	Quảng Bình	7,9	8,5	Đậu		194470457
29	cb18k12_030	Ngô Thị Hồng	Hoa	27/02/1980	Quảng Bình	7,9	9,5	Đậu		194054839
30	cb18k12_031	Võ Khắc	Hoan	18/03/1970	Quảng Bình	8,8	9,0	Đậu		194197050
31	cb18k12_032	Nguyễn Thị Minh	Hồng	07/01/1993	Quảng Bình	10	10	Đậu		194510395
32	cb18k12_033	Nguyễn Công	Huân	04/03/1974	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu		191222635
33	cb18k12_035	Đậu Đình	Hùng	10/01/1983	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		044083001940
34	cb18k12_036	Ngô Thị Minh	Huyền	05/12/1996	Quảng Bình	7,1	9,5	Đậu		194565512
35	cb18k12_037	Phan Thị Diệu	Huyền	26/10/1989	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194331427
36	cb18k12_038	Lê Thị Lan	Hương	08/11/1990	Quảng Bình	8,8	10	Đậu		194404008
37	cb18k12_039	Nguyễn Thị	Hương	22/10/1978	Quảng Bình	7,5	9,5	Đậu		B7463214
38	cb18k12_040	Phạm Xuân	Kỳ	08/12/1963	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194028282
39	cb18k12_041	Từ Xuân	Khánh	16/06/1980	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194079221
40	cb18k12_042	Bùi Thanh	Lâm	07/10/1986	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194303835
41	cb18k12_043	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ	05/06/1991	Quảng Bình	8,8	9,0	Đậu		194449376
42	cb18k12_044	Nguyễn Thị Diệu	Linh	20/11/1988	Quảng Bình	8,3	10	Đậu		194282439
43	cb18k12_045	Nguyễn Thị Hồng	Loan	15/03/1988	Quảng Bình	7,1	9,0	Đậu		044188001178
44	cb18k12_046	Lê Thị Thanh	Mai	09/11/1992	Quảng Bình	7,1	9,0	Đậu		044192001188
45	cb18k12_047	Nguyễn Thị Hồng	Minh	21/09/1981	Quảng Bình	8,3	9,5	Đậu		045181000091
46	cb18k12_048	Nguyễn Tuấn	Nam	20/08/1990	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194441999
47	cb18k12_049	Phan Quang	Nam	02/09/1982	Quảng Bình	7,1	8,0	Đậu		194145771
48	cb18k12_050	Đinh Thị Ái	Ninh	09/05/1972	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		191161786
49	cb18k12_051	Hoàng Thị	Nương	15/02/1976	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194024423
50	cb18k12_052	Nguyễn Thanh	Ngọc	10/06/1983	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		
51	cb18k12_053	Trần Thị Bích	Ngọc	20/04/1982	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		044182000756
52	cb18k12_054	Hoàng Minh	Phi	16/05/1991	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		194474150
53	cb18k12_055	Nguyễn Thị Hà	Phương	06/03/1990	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu		194363530
54	cb18k12_056	Lê Vệ	Quốc	24/01/1971	Hà Tĩnh	8,8	9,0	Đậu		012381375
55	cb18k12_057	Lê Thuận	Quỳnh	15/04/1978	Quảng Bình	7,5	8,0	Đậu		194119869
56	cb18k12_058	Võ Xuân	Quỳnh	24/06/1987	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194303770

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/THẺ CCCD
						LT	TH			
57	cb18k12_059	Nguyễn Thái	Sơn	10/11/1983	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194157349
58	cb18k12_060	Nguyễn Hồng	Tâm	14/04/1985	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194286540
59	cb18k12_061	Võ Minh	Tiến	20/10/1976	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194045468
60	cb18k12_062	Lê Minh	Toàn	03/08/1973	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		191256043
61	cb18k12_063	Phạm Anh	Tuấn	02/04/1982	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		044082000173
62	cb18k12_064	Phạm Anh	Tuấn	07/10/1992	Quảng Bình	7,9	8,5	Đậu		044092002411
63	cb18k12_065	Thái Khắc	Tuấn	17/05/1987	Quảng Bình	8,8	9,0	Đậu		194298481
64	cb18k12_066	Hoàng Thị	Thanh	03/04/1978	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194028935
65	cb18k12_067	Trần Công	Thiện	10/12/1995	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194513559
66	cb18k12_068	Hoàng Thị	Thời	27/10/1985	Quảng Bình	7,9	10	Đậu		194205816
67	cb18k12_069	Cao Thị Thanh	Thủy	06/04/1981	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194144691
68	cb18k12_070	Lê Thị Thu	Thủy	20/05/1988	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu		194287641
69	cb18k12_071	Lê Xuân	Thủy	04/03/1980	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194159053
70	cb18k12_072	Đoàn Phương	Thúy	26/08/1989	Quảng Bình	7,5	9,5	Đậu		044189001361
71	cb18k12_073	Lê Thị Hoài	Thương	02/04/1992	Quảng Bình	7,1	9,0	Đậu		194435457
72	cb18k12_074	Đặng Đức	Trọng	18/10/1993	Quảng Bình	9,2	9,0	Đậu		194470829
73	cb18k12_075	Nguyễn Thị Hải	Vân	07/10/1976	Quảng Bình	7,9	9,5	Đậu		194004353
74	cb18k12_076	Nguyễn Thị Thái	Viên	14/08/1987	Quảng Bình	7,1	8,5	Đậu		194299226
75	cb18k12_077	Nguyễn Hoàng	Vũ	08/05/1978	Quảng Bình	7,5	9,0	Đậu		194079519
76	cb18k12_079	Nguyễn Thị Thanh	Yên	26/08/1980	Quảng Bình	7,5	8,5	Đậu		194097127
77	cb18k12_080	Trương Thị Hoàng	Yến	19/12/1986	Quảng Bình	7,5	9,5	Đậu		194227253

(Ấn định danh sách này gồm 77 thí sinh)